TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 2 - TUYÊN QUANG

Bản án số: 70/2026/DS-ST
Ngày 15 - 7 - 2026.
" V/v: Tranh chấp hợp đồng vay tài sản".

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do- Hạnh phúc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 2 - TUYÊN QUANG

- *Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: Bà Lương Thị Huệ.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Trần Thị Hường;

2. Ông La Xuân Thủy.

- *Thư ký phiên tòa:* Bà Bàn Thị Bích Duyên - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 2 - Tuyên Quang.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 2 - Tuyên Quang tham gia phiên tòa*: Ông Đàm Như Hiển - Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 7 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 2 - Tuyên Quang xét xử sơ thẩm vụ án dân sự thụ lý số 36/2026/TLST- DS ngày 02 tháng 4 năm 2026, về việc "*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*", theo quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số 08/2026/QĐXXST- DS ngày 09 tháng 6 năm 2026; Quyết định hoãn phiên tòa số 11/2026/QĐST-DS ngày 26 tháng 6 năm 2026, giữa:

- *Nguyên đơn*: Anh Hà Thức T, sinh năm 1990. Số Căn cước công dân: 00809006263, cấp ngày 09/5/2021. Địa chỉ: Thôn Đ (cũ là thôn Đ), xã K, tỉnh Tuyên Quang. Có đơn xin xét xử vắng mặt.

- *Bị đơn:* Anh Hà Công L, sinh năm 1988. Số Căn cước công dân: 008088002413, cấp ngày 20/4/2021. Địa chỉ: Thôn L,(cũ là thôn P), xã H, tỉnh Tuyên Quang. Vắng mặt lần thứ hai không có lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN

- *Tại đơn khởi kiện, bản tự khai nguyên đơn anh Hà Thức T trình bày:*

Do có quan hệ quen biết nên ngày 16/6/2025, anh có cho anh Hà Công L vay số tiền 300.000.000 đồng (Ba trăm triệu đồng), thời hạn vay là 03 tháng, lãi suất được hai bên thỏa thuận là 1,5%/tháng tính từ ngày nhận tiền vay, thời hạn thanh toán nợ không quá 10 ngày nếu không có sự thỏa thuận khác của hai bên. Đến ngày 28/8/2025, anh lại tiếp tục cho anh L vay số tiền 400.000.000 đồng (Bốn trăm triệu đồng) thời hạn là 06 tháng kể từ ngày ký hợp đồng, lãi suất được hai bên thỏa thuân là 1,5%/tháng tính từ ngày nhận tiền vay. Khi đến hạn trả nợ, anh L không trả số tiền vay trên thì khoản vay sẽ được tính lãi suất là 2%/tháng,

thời hạn thanh toán không quá 10 ngày nếu không có sự thỏa thuận khác của hai bên. Tuy nhiên, đến ngày trả nợ, anh L không thánh toán theo thời hạn đã ký kết trong giấy vay tiền, anh đã vào nhà yêu cầu anh L trả nợ nhưng anh L khất nợ nhiều lần đến nay chưa trả. Anh yêu cầu Tòa án nhân dân khu vực 2- Tuyên Quang giải quyết buộc anh L trả cho anh tổng số tiền vay của hai giấy vay nợ là 300.000.000 đồng + 400.000.000 đồng = 700.000.000 đồng (Bảy trăm triệu đồng) và tiền lãi được tính theo thỏa thuận trên giấy vay nợ:

+ Khoản vay 300.000.000 đồng, vay ngày 16/6/2025 là 300.000.000đ x 1,5% x 9 tháng = 40.500.000đồng.

+ Khoản vay 400.000.000 đồng, vay ngày 28/8/2025 là 400.000.000đồng x 2% x 7 tháng = 56.000.000 đồng.

Tổng số tiền nợ gốc, lãi anh yêu cầu anh L trả là 796.500.000 đồng (*B trăm chín mươi sáu triệu năm trăm nghìn đồng*) và anh đề nghị Tòa án tính lãi tiếp theo đến thời điểm xét xử.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã triệu tập bị đơn Hà Công L đến Tòa án để làm việc; thông báo, niêm yết các văn bản tố tụng theo quy định của pháp luật nhưng anh L không có mặt, không có ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Qua xác minh tại địa phương thể hiện anh Hà Công L, sinh năm 1988 có hộ khẩu thường trú tại Thôn P (nay là thôn L), xã H, tỉnh Tuyên Quang. Anh L không có mặt tại địa phương, thi thoảng có về thăm nhà sau đó lại đi, nhưng không biết anh L đi đâu làm gì.

Tại phiên toà, nguyên đơn anh Hà Thức T vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt, anh T yêu cầu Tòa án buộc anh Hà Công L có nghĩa vụ trả cho anh số tiền nợ gốc là 700.000.000 đồng và tiền lãi tính cụ thể như sau:

+ Tiền lãi đối với số tiền nợ 300.000.000 đồng, tính từ ngày vay 16/6/2025 đến ngày 15/7/2026: 300.000.000 đồng x 1,5% x 12 tháng 29 ngày = 58.290.400 đồng (*Năm mươi tám triệu ba trăm năm mươi nghìn hai trăm chín mươi nghìn bốn trăm đồng*).

+ Tiền lãi đối với số tiền nợ 400.000.000 đồng, tính từ ngày vay 28/8/2025 đến ngày 15/7/2026: 400.000.000 đồng x 1,5% x 10 tháng 17 ngày = 63.353.400 đồng (*Sáu mươi ba triệu ba trăm năm mươi ba nghìn bốn trăm đồng*).

Số tiền lãi của hai khoản vay trên là 121.643.800 đồng *(Một trăm hai mươi mốt triệu sáu trăm bốn mươi ba nghìn tám trăm đồng)*. Tổng số tiền số tiền nợ gốc và lãi anh T yêu cầu Tòa án buộc anh Hà Công L phải có nghĩa vụ trả là 821.643.800 đồng *(T1 trăm hai mươi mốt triệu sáu trăm bốn mươi ba nghìn tám trăm đồng)*.

Đối với chi phí giám định chữ ký, chữ viết, anh yêu cầu anh Hà Công L phải chịu toàn bộ, do anh đã nộp tiền tạm ứng chi phí giám định nên anh yêu cầu anh L phải có trách nhiệm trả cho anh số tiền này.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 2 - Tuyên Quang tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm:

- Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đảm bảo đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Việc chấp hành pháp luật của nguyên đơn đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự; bị đơn chưa thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo quy định tại Điều 70, 72 Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về quan điểm giải quyết vụ án: Căn cứ khoản 3 Điều 26, các Điều 144, 147, 160, 161, 162, 227, 228, 238, 271, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 463, 466, 468, 470 Bộ luật Dân sự; Điều 5, Điều 13 Nghị quyết 01/2019/NQ-HDTP ngày 11/01/2019 Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn anh Hà Thức T.

Buộc anh Hà Công L có nghĩa vụ trả cho anh Hà Thức T tổng số tiền là 821.643.800 đồng *(T1 trăm hai mươi mốt triệu sáu trăm bốn mươi ba nghìn tám trăm đồng)*, trong đó số tiền nợ gốc là 700.000.000 đồng (*Bảy trăm triệu đồn*g), tiền lãi là 121.643.800 đồng *(Một trăm hai mươi mốt triệu sáu trăm bốn mươi ba nghìn tám trăm đồng)*.

- Về chi phí giám định: Do yêu cầu khởi kiện của anh Hà Thức T được chấp nhận nên anh Hà Công L phải chịu tiền chi phí giám định chữ ký, chữ viết và có nghĩa vụ hoàn trả cho anh Hà Thức T số tiền 5.600.000 đồng.

- Về án phí: Yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn phải chịu toàn bộ tiền án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch; anh Hà Thức T không phải chịu án phí, trả lại cho anh Hà Thức T số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

- Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về tố tụng:* Anh Hà Thức T khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc anh Hà Công L, đăng ký thường trú tại thôn L (cũ thôn P), xã H, tỉnh Tuyên Quang trả tổng số tiền vay cả gốc, lãi theo giấy vay tiền ngày 16/6/2025 và giấy vay tiền ngày 28/8/2025. Do vậy, xác định quan hệ pháp luật là "*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*". Căn cứ theo khoản 3 Điều 26, Điều 35, Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 2 - Tuyên Quang.

Quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã thông báo, niêm yết các văn bản tố tụng triệu tập hợp lệ nhưng anh Hà Công L không đến Tòa án làm việc. Tại phiên tòa nguyên đơn anh Hà Thức T có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt; bị đơn anh Hà Công L vắng mặt không có lý do dù đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai

không có lý do, căn cứ các Điều 227, 228, 238 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến quyết định xét xử vắng mặt đối với tất cả các đương sự.

[2] *Về nội dung yêu cầu khởi kiện*:

[2.1] Về hợp đồng vay tài sản:

Sau khi xem xét các tài liệu, chứng cứ do phía nguyên đơn cung cấp, bị đơn không có văn bản thể hiện ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Căn cứ vào giấy vay tiền ngày 16/6/2025 và giấy vay tiền ngày 28/8/2025, ý kiến trình bày của nguyên đơn và Kết luận giám định số 886/KL-KTHS ngày 20/5/2026 của Phòng K Công an tỉnh T, kết luận:

1. Chữ ký, chữ viết ghi tên Hà Công L dưới mục "BÊN VAY" trên 02 (hai) "GIẤY VAY TIỀN" ghi ngày 16/6/2025 (ký hiệu A1); ghi ngày 28/8/2025 (ký hiệu A2) với chữ ký, chữ viết ghi tên Hà Công L dưới mục "NGƯỜI KHAI KÝ TÊN" tên TỜ KHAI CHỨNG MINH NHÂN DÂN số 070728054, ghi ngày 22/5/2018 (ký hiệu A3) là do cùng một người ký và viết.

- Không sử dụng chữ ký "Lưỡng" dưới mục "NGƯỜI KHAI KÝ TÊN" trên TỜ KHAI CHỨNG MINH NHÂN DÂN số 070728054,ghi ngày 20/10/2003 (ký hiệu A4) do thời gian ký cách xa, đặc điểm không ổn định.

2. Đường vân in tại mục "BÊN VAY" trên mẫu ký hiệu A1, A2 với đường vân in ở ô ngón trỏ phải trên mẫu ký hiệu A3 là của cùng một người.

Đường vân in tại mục "BÊN VAY" trên mẫu ký hiệu A1, A2 với đường vân in ở ô ngón trỏ trái trên mẫu ký hiệu A4 không phải là của cùng một người.

Đường vân in ở ô trỏ phải trên mẫu vật ký hiệu A4 mờ nhòe, không đủ điều kiện giám định so sánh với đường vân in trên mẫu ký hiệu A1, A2.

Có đủ căn cứ xác định:

- Ngày 16/6/2025, anh Hà Công L có vay của anh Hà Thức T số tiền là 300.000.000 đồng, mục đích anh L vay tiền để xây xưởng may, thỏa thuận lãi suất là 1,5%/tháng, thời hạn vay là 03 tháng kể từ ngày vay.

- Ngày 28/8/2025, anh Hà Công L có vay của anh Hà Thức T số tiền là 400.000.000 đồng, mục đích anh L vay tiền để đầu tư xây dựng, thỏa thuận lãi suất là 1,5%/tháng, thời hạn vay là 06 tháng kể từ ngày vay. Khi đến hạn trả nợ, anh L không trả cho anh T thì khoản vay sẽ được tính lãi suất là 2%/tháng.

Tổng số tiền vay là 700.000.000 đồng *(Bảy trăm triệu đồng)*. Từ ngày vay đến nay anh Hà Công L chưa trả cho anh Hà Thức T tiền nợ vay và tiền lãi phát sinh theo hợp đồng.

Đây là hợp đồng vay tài sản do các bên tự nguyện ký kết, khi ký kết các bên có đầy đủ năng lực hành vi dân sự nên được pháp luật thừa nhận và bảo vệ. Căn cứ vào điều 466 Bộ luật Dân sự thì bên vay phải trả cho bên cho vay tiền nợ vay và tiền lãi phát sinh.

[2.1] Về tiền lãi:

Căn cứ vào giấy vay tiền ngày 16/6/2025 với khoản vay là 300.000.000 đồng và giấy vay tiền ngày 28/8/2025 với khoản vay là 400.000.000 đồng, lời khai của nguyên đơn xác định hai khoản vay trên là hợp đồng vay tài sản có kỳ hạn và có lãi quy định tại khoản 2 Điều 470 Bộ luật Dân sự. Đối với mức lãi suất do nguyên đơn yêu cầu 1,5%/tháng là phù hợp với quy định tại Điều 5 Nghị quyết số 01/2019/NQ-HDTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm nên được chấp nhận. Tiền lãi trên nợ vay được xác định như sau:

Tiền lãi đối với số tiền nợ 300.000.000 đồng, tính từ ngày vay 16/6/2025 đến ngày 15/7/2026: 300.000.000 đồng x 1,5% x 12 tháng 29 ngày = 58.290.400 đồng (*Năm mươi tám triệu ba trăm năm mươi nghìn hai trăm chín mươi nghìn bốn trăm đồng*).

Tiền lãi đối với số tiền nợ 400.000.000 đồng, tính từ ngày vay 28/8/2025 đến ngày 15/7/2026: 400.000.000 đồng x 1,5% x 10 tháng 17 ngày = 63.353.400 đồng (*Sáu mươi ba triệu ba trăm năm mươi ba nghìn bốn trăm đồng*).

Số tiền lãi của hai khoản vay trên là 121.643.800 đồng *(Một trăm hai mươi mốt triệu sáu trăm bốn mươi ba nghìn tám trăm đồng).*

Từ những phân tích và nhận định nêu trên và xét đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa là có căn cứ, đúng quy định của pháp luật, Hội đồng xét xử căn cứ các Điều 357, 463, 466, 468, 470 của Bộ luật Dân sự, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Hà Thức T:

Buộc anh Hà Công L có nghĩa vụ trả cho anh Hà Thức T tổng số tiền là 821.643.800 đồng *(T1 trăm hai mươi mốt triệu sáu trăm bốn mươi ba nghìn tám trăm đồng)*, trong đó số tiền nợ gốc là 700.000.000 đồng (*Bảy trăm triệu đồng*), tiền lãi là 121.643.800 đồng *(Một trăm hai mươi mốt triệu sáu trăm bốn mươi ba nghìn tám trăm đồng)*.

Về lãi suất chậm thực hiện nghĩa vụ: Căn cứ Điều 13 Nghị quyết số 01/2019/NQ-HDTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm, kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành xong, bên phải thi hành án còn khải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất các bên thỏa thuận trong hợp đồng vay tài sản là 1,5%/tháng.

[3] *Về chi phí tố tụng*: Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn anh Hà Thức T có căn cứ nên bị đơn anh Hà Công L phải chịu tiền chi phí giám định 5.600.000 đồng theo quy định tại các Điều 160, 161, 162 Bộ luật Tố tụng dân sự và có nghĩa vụ trả lại cho anh Hà Thức T số tiền 5.600.000 đồng.

[4] *Về án phí*: Căn cứ các Điều 144, 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án: Anh Hà Công L phải nộp tiền án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch theo

quy định của pháp luật. Anh Hà Thức T không phải nộp tiền án phí dân sự sơ thẩm, trả lại cho anh T số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

[5] Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định tại các Điều 271, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 3 Điều 26, các Điều 35, 39, 144, 147, 160, 161, 162, 227, 228, 238, 271, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ các Điều 357, 463, 466, 468, 470 Bộ luật Dân sự;

Căn cứ Điều 5; Điều 13 Nghị quyết số 01/2019/NQ-HDTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm.

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện về "*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*" của anh Hà Thức T.

Buộc anh Hà Công L có nghĩa vụ trả cho anh Hà Thức T tổng số tiền là 821.643.800 đồng *(T1 trăm hai mươi mốt triệu sáu trăm bốn mươi ba nghìn tám trăm đồng)*, trong đó số tiền nợ gốc là 700.000.000 đồng (*Bảy trăm triệu đồn*g), tiền lãi là 121.643.800 đồng *(Một trăm hai mươi mốt triệu sáu trăm bốn mươi ba nghìn tám trăm đồng)*.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành xong, bên phải thi hành án còn khải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất các bên thỏa thuận trong hợp đồng vay tài sản là 1,5%/tháng.

2. Về chi phí tố tụng: Anh Hà Công L phải chịu chi phí giám định là 5.600.000 đồng và có nghĩa vụ hoàn trả cho anh Hà Thức T số tiền 5.600.000 đồng (do anh Hà Thức T đã nộp tạm ứng chi phí tố tụng).

3. Về án phí: Anh Hà Công L phải nộp tiền án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch là 36.649.314 đồng.

Anh Hà Thức T không phải nộp tiền án phí. Hoàn trả lại cho anh Hà Thức T số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 17.930.000 đồng theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0000644 ngày 02/4/2026 và Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0000749 ngày 14/4/2026 của Thi hành án dân sự tỉnh Tuyên Quang.

4. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai.

"Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại khoản 2 Điều 4, Điều 6, Điều 7, Điều 36 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 34 Luật Thi hành án dân sự"./.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Tuyên Quang;
- VKSND khu vực 2 - Tuyên Quang;
- THADS tỉnh Tuyên Quang;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lương Thị Huệ